

Bản án số: 12/2025/HSST

Ngày 28-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Thuần

Ông Nguyễn Văn Hảo – Giáo viên nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ (cơ sở 2: Thôn Chợ Cánh, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ), xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2025/HSST ngày 27/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/HSST- QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành L, sinh ngày 17/10/2007 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 02 tháng 01 ngày); nơi sinh: thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: TDP T T, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP T T, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị P; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 143/2024/HS-ST ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Thành L 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo L chấp hành xong án phí ngày 19/11/2024, chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo. Thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự được coi là không có án tích.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 30/12/2007 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 12 ngày); nơi sinh: thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: TDP Đ Đ, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP Đ Đ, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh

Vĩnh Phúc); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Dương Thị V; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Lê Đức P1, sinh ngày 17/01/2007 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 17 tuổi 11 tháng 01 ngày); nơi sinh: thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: TDP T T, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP T T, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 186/2024/HS-ST ngày 29/11/2024, Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Lê Đức P 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo P bị tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 29/11/2024. Bị cáo P chưa chấp hành xong án phí, chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo. Thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự được coi là không có án tích.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/8/2008 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 16 tuổi 04 tháng 09 ngày); nơi sinh: thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: TDP P, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP P, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Trần Thị Thúy H3; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo L: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: TDP T T, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP T T, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc) (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: TDP P, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP P, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc) (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: TDP T T, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP T T, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc) (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo H2: Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: TDP P, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP P, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc) (có mặt).

Người bào chữa của các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đình H2: Ông Nguyễn Văn T2 là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Bị hại:

- Anh Trần Xuân T3, sinh năm 2004;

Địa chỉ: TDP G, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP G, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc) (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn T4, sinh năm 1990.

Địa chỉ: TDP T Đ, xã X L, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP T Đ, thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành L - SN: 17/10/2007; Nguyễn Đình H2 - SN: 09/8/2008 và Lê Đức P - SN: 17/01/2007 và Nguyễn Văn Đ - SN: 30/12/2007 đều ở thị trấn Đ Đ, Huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc biết anh Trần Xuân T3 - SN: 2004 ở cùng thị trấn có 01 xe mô tô BKS: 88G1 - 512.43 sử dụng làm P tiện đi lại và thường đến quán Game Kagameminh ở TDP Kiên Sơn, thị trấn Đ Đ chơi. Chiều ngày 18/12/2024, L nói với Đ, P và H2 *“bây giờ tao với Đ đi mượn xe của thằng T3 đi cầm lấy tiền tiêu sài”*, Đ hỏi *“mượn kiểu gì”*, L trả lời *“cứ đi đến quán nét ở Kiên Sơn nếu gặp nó, tao sẽ hỏi mượn xe, nói dối là mượn xe cho mày đi nhổ điện thoại hộ tao”* nghe L nói như vậy Đ, P và H2 đồng ý, sau đó cả nhóm đi đến quán Game Kagameminh H2 không gặp anh T3. Đ, L, P và H2 đi về T3 tâm văn hóa thị trấn Đ Đ. Tại đây, L sử dụng điện thoại Oppo A3S của P gọi cho anh T3 hẹn đến quán Kagameminh để chơi game (mục đích rủ anh T3 đến để mượn xe đem đi cầm cố), anh T3 đồng ý. Sau đó Đ, L, P và H2 quay lại quán Game. Khoảng 05 phút sau, anh T3 điều khiển xe mô tô BKS: 88G1 - 512.43 đến quán, để cho anh T3 tin tưởng và không nghi ngờ. L, Đ, P và H2 chơi game cùng với anh T3, được khoảng 30 phút L nói dối anh T3 *“cho cu Đ mượn xe để đi nhổ điện thoại”*, đồng thời Đ cũng nói với anh T3 *“anh cho em mượn xe đi nhổ điện thoại”* tin L và Đ nói là thật anh T3 đồng ý đưa chìa khóa và xe mô tô BKS: 88G1 - 512.43 cho Đ. Sau khi lừa mượn được xe của anh T3, Đ điều khiển xe chở H2 đi về sân bóng Bảo Đức ở TDP T T, thị trấn Đạo Đức đợi L và P. Sau đó Đ và H2 điều khiển xe đi đến quán internet ở thị trấn Hương Canh, huyện B X để chơi game và đợi L và P. Đến khoảng 20h00 cùng ngày L và P đi đến quán internet ở thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên gặp Đ và H2. Tại đây cả nhóm bàn bạc tìm người để cầm cố xe lấy tiền, sau đó L sử dụng điện thoại của P gọi điện cho Lê Văn T4 - SN: 1990 ở cùng thị trấn Đ Đ đặt vấn đề cầm cố xe mô tô thì T4 đồng ý. Đ điều khiển xe chở L đến gặp T4 đặt vấn đề cầm cố xe mô tô vay 5.000.000đ - khi cầm cố xe Đ nói xe của Đ, T4 tin tưởng nên đồng ý rồi đưa cho Đ 4.600.000đ - cắt lãi 400.000đ/ 07 ngày. Sau đó Đ và L bắt xe taxi đến quán internet ở thị trấn Hương Canh đón H2 và P rồi cả nhóm đi đến TDP Trại Cúp, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cùng nhau ăn uống và tiêu sài hết số tiền trên.

Sau khi cho mượn xe, không thấy Đ đem xe về trả nên anh T3 bảo L liên lạc cho Đ bảo Đ đưa xe về trả cho anh, nH2 Đ và L không trả. Ngày 01/1/2025, anh T3 đã làm đơn trình báo CQĐT đề nghị xử lý đối tượng đã chiếm đoạt xe mô tô của anh.(BL: 86, 87).

Tại CQĐT Nguyễn Thành L, Nguyễn Đình H2, Lê Đức P và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T3 như nêu trên.

Về vật chứng vụ án: Ngày 01/01/2025, anh Lê Văn T4 tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô BKS: 88G1 - 512.43. Ngày 17/1/2025, anh T4 tự nguyện giao nộp 01 ĐTDD Iphone 15 Promax cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra. Ngày 18/01/2025, Lê Đức P tự nguyện giao nộp 01 ĐTDD Oppo A3S cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

*** Kết quả định giá tài sản:**

Ngày 13/01/2025, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Xuyên ra Yêu cầu định giá tài sản số 91 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự định giá đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS. 88G1 - 512.43 đã cũ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 15/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Bình Xuyên, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 88G1 - 512.43 đã cũ. Trị giá là 10.666.667đ.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKS BX ngày 26/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt đối với hình phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 1 năm 6 tháng đến 01 năm 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Lê Đức P từ 8 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Tổng hợp hình phạt đối với hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ

02 năm 02 tháng đến 02 năm 04 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nH2 được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 29/11/2024 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H2 từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đình H2 vắng mặt nH2 tại bản luận cứ bào chữa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đình H2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 trên cơ sở đó áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đình H2 được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Nguyễn Thành L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 trên cơ sở đó giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa nH2 quá trình điều tra anh T3, anh T4 đều trình bày về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cầm cố tài sản nH2 các bị cáo L, Đ P, H2 trình bày là đúng.

Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2 không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc nay là Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân. Ngày 18/12/2024, Nguyễn Thành L - SN: 17/10/2007(thời điểm thực hiện hành vi phạm tội L đã 17 tuổi, 02 tháng 01 ngày); Nguyễn Đình H2 - SN: 09/8/2008 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội H2 đã 16 tuổi, 04 tháng 09 ngày), Lê Đức P - SN: 17/01/2007 (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội P đã 17 tuổi, 11 tháng 01 ngày) và Nguyễn Văn Đ - SN: 30/12/2007(thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Đ đã 17 tuổi, 12 ngày) đều ở thị trấn Đ Đ, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc cùng nhau bàn bạc dùng thủ đoạn gian dối hời hợt mượn xe mô tô BKS: 88G1 - 512.43 của anh Trần Xuân T3 - SN: 2004 ở cùng thị trấn nói dối là đi lấy điện thoại, anh T3 tin là thật nên đã đồng ý cho Đ mượn xe. Sau khi lừa mượn được xe, Đ và L đi đến gặp Lê Văn T4 - SN: 1990 ở cùng thị trấn Đ Đ cầm cố xe mô tô lấy số tiền 5.000.000đ, sau đó các đối tượng cùng nhau chi tiêu hết số tiền này. Trị giá tài sản L, H2, P và Đ chiếm đoạt của anh T3 là 10.666.667đ.

Hành vi của Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2 đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây thiệt hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an và bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo L, Đ, P H2 đều thành khẩn khai báo và tỏ ra thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường tiền cho anh Lê Văn T4 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đ và H2 là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo L và P là người có nhân thân xấu, ngày 30/9/2024, bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách án treo. Ngày 29/11/2024, bị cáo P bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách án treo. Mặc dù các bị cáo L và P chưa chấp hành xong thời gian thử thách án treo nên chưa đủ điều kiện để đương nhiên được xoá án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự nH2 khi bị cáo L bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản và bị cáo P bị xét xử về tội Gây rối trật tự công cộng thì các bị cáo đều dưới 18 tuổi nên theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự thì các bị cáo được coi là không có án tích. Tuy nhiên, các bị cáo L và P phạm tội trong thời gian thử thách nên cần tổng hợp hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 và 104 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất mức độ về hành vi mà bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt vi đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Về đồng phạm: Trong vụ án này, Nguyễn Thành L là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Văn Đ cùng với Nguyễn Thành L là người trực tiếp nói dối để mượn xe của Trần Xuân T3 và đem xe đi cầm cố, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2 là đồng phạm giúp sức và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thành L được 17 tuổi 02 tháng 01 ngày; bị cáo Nguyễn Văn Đ được 17 tuổi 12 ngày; bị cáo Lê Đức P 17 tuổi 11 tháng 01 ngày; bị cáo Nguyễn Đình H2 16 tuổi 04 tháng 09 ngày. Các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, ở lứa tuổi này do sự phát triển chưa đầy đủ về mặt tâm lý, chưa thể suy nghĩ chín chắn trong hành vi của mình dẫn đến sai phạm. Do các bị cáo phạm tội trong giai đoạn tuổi vị thành niên (từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) nên bị cáo được áp dụng thêm quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo và thể hiện sự khoan H3 của pháp luật.

Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự quy định: “*Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như sau: 1. Đối với*

người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội....nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định...”

Khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 quy định: *“Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định như sau: 1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội...nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này...”*.

Mặc dù Luật tư pháp người chưa thành niên có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, tuy nhiên theo khoản 2 Điều 179 luật này thì các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại chương VI của Luật này được áp dụng kể ngày Luật này được công bố ngày 02/12/2024. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên khi quyết định hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"*. Hội đồng xét xử xét thấy, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bị cáo tại phiên tòa, thể hiện các bị cáo tại thời điểm phạm tội đều là người dưới 18 tuổi không có nghề nghiệp, không có tài sản, thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra, các bị cáo L, Đ, P, H2 đã tự nguyện bồi thường số tiền 4.600.000 đồng cho anh Lê Văn T4. Sau khi nhận đủ tiền, anh T4 không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Trong vụ án này còn có anh Lê Văn T4 là người cầm cố xe cho Đ vay 5.000.000đ, cắt lãi 400.000đ, khi cầm cố xe Đ không nói, anh T4 không biết tài sản trên là do Đ và L lừa đảo chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T4 là phù hợp. Đối với hành vi cầm cố không có giấy phép Đ ký kinh doanh và lấy tiền lãi suất cao hơn lãi suất ngân hàng (400.000đ/5.000.000đ/7 ngày) vượt quá 20%/năm nH2 giá trị thu lời chưa đủ 30 triệu đồng, anh T4 chưa bị xử phạt hành chính về hành vi; chưa bị kết án về tội này... nên hành vi của T4 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 BLHS, chỉ là vi phạm hành chính. Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn T4 theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Iphone 15 Promax xác định là tài sản của anh Lê Văn T4 không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 17/1/2025 CQĐT đã trả lại cho anh T4, sau khi nhận lại tài sản anh T4 không có yêu cầu đề nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Đối với 01 ĐTDD Oppo A3S xác định là tài sản của P, sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh T3 do vậy cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với xe mô tô BKS. 88G1 - 512.43 xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần Xuân T3. Ngày 13/6/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả lại xe mô tô BKS: 88G1-512.43 cho anh T3, sau khi nhận lại tài sản anh T3 không có yêu cầu đề nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[9]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P, Nguyễn Đình H2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 10 (mười) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên. Buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Lê Đức P 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nH2 được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến ngày 29/11/2024 của Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 98; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm .

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Lãng, tỉnh Phú

Thọ giáo dục và Công an xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 98 khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình H2 cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ giáo dục và Công an xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Oppo A3S đã qua sử dụng (Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa Công an tỉnh Phú Thọ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Phú Thọ).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn Đ, Lê Đức P và Nguyễn Đình H2 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ;
- Văn phòng cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THAHS và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, bộ phận theo dõi THAHS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Ý Tường